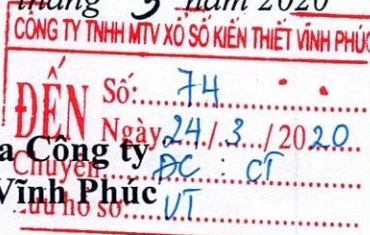


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **619** /QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày **20** tháng **3** năm 2020



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ về quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính;

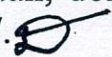
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Vĩnh Phúc ban hành theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 137/TTr-STC ngày 04/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xổ số kiến thiết Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

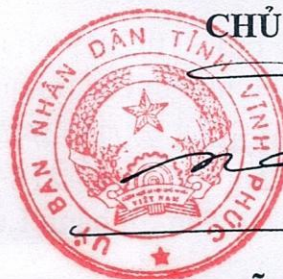
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Lao động Thương binh và Xã hội; Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc; Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Vĩnh Phúc và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch (báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch;
- CPVP;
- CV VX1; KT1,3;
- Lưu: VT.

(H 12 b) 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trì

**QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VĨNH PHÚC**
(Ban hành theo Quyết định số: **619/QĐ-UBND** ngày **20 / 3 /2020**
của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc đầu tư vốn nhà nước vào Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Vĩnh Phúc (gọi tắt là Công ty); việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản vào hoạt động kinh doanh, quản lý doanh thu và chi phí, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người đại diện Chủ sở hữu Công ty trực tiếp tại Công ty.
2. Người quản lý Công ty trong việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản vào hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Chương II
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

Điều 3. Vốn của Công ty

1. Vốn chủ sở hữu của Công ty, gồm:
 - a) Vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của chủ sở hữu. Chủ sở hữu cấp đủ vốn điều lệ để đảm bảo cho hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật.
 - b) Vốn tự tích lũy từ hoạt động kinh doanh được bổ sung vào nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu.
2. Vốn do Công ty huy động bằng các hình thức vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính; vay của tổ chức, cá nhân ngoài công ty, của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ là mức vốn cần thiết được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

(Chủ sở hữu Công ty) đầu tư và phê duyệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của

Công ty, được ghi tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Trong quá trình hoạt động, Công ty có nhu cầu tăng vốn điều lệ; căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh 05 năm được phê duyệt và nguồn bổ sung vốn điều lệ, Công ty lập phương án trình Chủ sở hữu Công ty xem xét, phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty được thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Khi xác định nhu cầu vốn điều lệ cần tăng thêm để phục vụ hoạt động kinh doanh xổ số thì ngoài các dự án đầu tư phục vụ cho hoạt động kinh doanh xổ số, Công ty được tính số vốn cần thiết để sử dụng trả thưởng cho khách hàng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Huy động vốn.

Công ty được quyền huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước theo các quy định hiện hành của nhà nước để phục vụ kinh doanh theo nguyên tắc không được làm thay đổi hình thức sở hữu công ty. Công ty chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn huy động, hoàn trả vốn và lãi vay cho chủ nợ theo quy định.

1. Nguyên tắc huy động vốn:

a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của công ty;

b) Phương án huy động vốn phải bảo đảm khả năng thanh toán nợ;

c) Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra bảo đảm vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả;

d) Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; trường hợp vay vốn từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư phát triển và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, vay hoặc phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Mục đích huy động vốn: Công ty chỉ được phép huy động vốn đầu tư kinh doanh xổ số và các dịch vụ liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số.

3. Thẩm quyền huy động vốn:

a) Chủ tịch công ty quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Việc huy động vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh phải bảo đảm tổng số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu của công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn.

Chủ tịch Công ty phân cấp cho Giám đốc Công ty quyết định phương án huy động vốn thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;

b) Trường hợp huy động vốn trên mức quy định tại điểm a khoản này, huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, Chủ tịch công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.

Điều 6. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

1. Công ty chỉ được đầu tư vốn ra bên ngoài đối với các ngành nghề liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số. Việc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác nước ngoài được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước và được chấp thuận của UBND tỉnh bằng văn bản.

2. Việc đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác phải tuân thủ quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp, đảm bảo có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư, được sự chấp thuận của Chủ sở hữu doanh nghiệp.

3. Không được góp vốn hoặc đầu tư vào các lĩnh vực: bất động sản; góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng; công ty bảo hiểm; công ty chứng khoán; đồng thời không được tham gia góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty.

4. Nguyên tắc, hình thức, giới hạn đầu tư vốn ra ngoài Công ty và thẩm quyền: Thực hiện theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều 7. Quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn

1. Công ty được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ số vốn Chủ sở hữu đã đầu tư và các loại nguồn vốn hợp pháp khác vào hoạt động kinh doanh, các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số theo quy định của pháp

luật. Đồng thời chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về bảo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo quyền lợi của những người liên quan đến công ty như các chủ nợ, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã ký kết.

2. Công ty chịu trách nhiệm theo dõi toàn bộ tài sản và vốn hiện có, thực hiện hạch toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành; phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình sử dụng, biến động vốn và tài sản trong quá trình kinh doanh, quy định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với từng trường hợp làm hư hỏng, mất mát tài sản.

3. Công ty phải chấp hành thực hiện đúng các nội dung sau đây:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo các quy định hiện hành.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro theo đúng quy định.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo các quy định hiện hành nhà nước.

4. Định kỳ hằng năm công ty phải đánh giá mức độ bảo toàn vốn của công ty theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 8. Quản lý tài sản của khách hàng và các quỹ dự phòng

1. Đối với những tài sản Công ty đi thuê, nhận cầm cố, nhận thế chấp, ký quỹ, nhận bảo quản giữ hộ của khách hàng, Công ty chịu trách nhiệm quản lý, bảo quản hoặc sử dụng theo thỏa thuận với khách hàng đúng với các quy định hiện hành của nhà nước.

2. Đối với quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong hoạt động xổ số, Công ty thực hiện việc trích lập và sử dụng theo quy định hiện hành.

3. Đối với dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn... Công ty thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng theo quy định đối với công ty nhà nước.

Điều 9. Tài sản cố định (TSCĐ).

1. TSCĐ của công ty bao gồm TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình. Tiêu chuẩn và nguyên giá tài sản cố định xác định theo các quy định hiện hành nhà nước.

Những khoản chi không đồng thời thỏa mãn các tiêu chuẩn để hình thành TSCĐ thì được hạch toán trực tiếp hoặc được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo quy định hiện hành.

2. Khấu hao TSCĐ: Mức trích khấu hao theo hướng dẫn của Bộ Tài Chính.

Điều 10. Quản lý, sử dụng tài sản cố định

1. Công ty chịu trách nhiệm xây dựng, ban hành, thực hiện Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định trong quá trình hoạt động kinh doanh theo đúng quy định về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

2. Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định của Công ty ban hành phải quy định rõ trách nhiệm trong phối hợp giữa các bộ phận và của từng bộ phận, cá nhân liên quan trong theo dõi, quản lý và sử dụng tài sản của Công ty.

3. Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn.

Điều 11. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định

Công ty được lựa chọn các phương án đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định, đổi mới thiết bị công nghệ hoặc thay đổi cơ cấu tài sản cố định phù hợp với mục tiêu kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và vốn.

Việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của Công ty thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

1. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định:

- Chủ tịch Công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

Chủ tịch Công ty phân cấp cho Giám đốc Công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.

- Trường hợp dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công, Chủ tịch Công ty quyết định khi được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương.

2. Quy định đối với một số trường hợp cụ thể:

- Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định do Công ty thực hiện, quá trình đầu tư xây dựng phải thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và các quy định khác liên quan.

- Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định là trang thiết bị, máy móc... Công ty phải thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước về đấu thầu và các quy định khác liên quan.

- Đối với việc đầu tư, mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại (xe ô tô) phục vụ công tác, Công ty phải thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức mua sắm, sử dụng phục vụ công tác bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định hiện hành.

Việc trang bị hoặc thay thế phương tiện đi lại do Chủ tịch Công ty quyết định theo thẩm quyền.

- Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật.

Người quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu quyết định không đúng thẩm quyền hoặc tài sản cố định được đầu tư, xây dựng, mua, bán không sử dụng được, sử dụng không hiệu quả.

3. Các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ tình hình nhu cầu thực tế cần thiết nhằm phục vụ công tác kinh doanh của đơn vị, có phương án đề xuất cụ thể (kể cả mua sắm công cụ, dụng cụ).

Điều 12. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

1. Công ty được quyền chủ động thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

- Chủ tịch Công ty quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại dưới 50% vốn chủ sở hữu ghi trong bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

Chủ tịch Công ty phân cấp cho Giám đốc Công ty quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.

- Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty thì Chủ tịch công ty báo cáo UBND tỉnh quyết định.

- Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của công ty không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư, Công ty phải giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn báo cáo UBND tỉnh và cơ quan tài chính cùng cấp trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

3. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

- Công ty thực hiện việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Trường hợp thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng, Giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên.

- Trường hợp chuyển nhượng tài sản cố định gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản:

Chủ tịch công ty quyết định thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định tại công ty.

- Thành phần Hội đồng gồm:

+ Giám đốc (hoặc Phó Giám đốc được ủy quyền),

+ Kế toán trưởng, các Trưởng phòng có liên quan; đại diện Ban Chấp hành công đoàn cơ sở tại công ty và một số chuyên gia am hiểu về tính năng kỹ thuật của tài sản cố định (nếu cần).

- Nhiệm vụ của Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của công ty gồm:

+ Xác định thực trạng về kỹ thuật, giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán;

+ Tổ chức xác định hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị có thể thu được của tài sản thanh lý, nhượng bán;

+ Tổ chức bán đấu giá hoặc thuê tổ chức có chức năng bán đấu giá các loại tài sản thanh lý nhượng bán theo quy định của pháp luật liên quan;

+ Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản tự kết thúc hoạt động sau khi hoàn tất việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của công ty.

- Trường hợp khi Công ty thực hiện dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công ty phải dỡ bỏ hoặc hủy bỏ tài sản cố định cũ thì việc thanh lý và hạch toán tài sản cố định cũ khi dỡ bỏ hoặc hủy bỏ của công ty thực hiện như đối với trường hợp thanh lý tài sản cố định quy định tại Điều này.

Điều 13. Quản lý nợ phải thu, nợ phải trả:

Thực hiện theo các quy định hiện hành nhà nước và Quy chế quản lý nợ của Công ty.

Điều 14. Quản lý vé xổ số các loại

1. Vé xổ số các loại là hàng hóa đặc biệt, là mặt hàng kinh doanh chính của Công ty, phải được quản lý, bảo quản chặt chẽ.

2. Việc cấp phát vé, cung ứng vé, vận chuyển vé xổ số các loại từ Công ty đến các phòng đại diện hoặc các đại lý phải được mở sổ sách theo dõi cụ thể.

3. Việc thanh toán tiền bán vé xổ số các loại từ Công ty đến các đại lý và ngược lại được thực hiện theo đúng quy định hiện hành và đúng theo các qui định của Công ty.

Điều 15. Quản lý hàng tồn kho

1. Hàng tồn kho chủ yếu của Công ty là vé xổ số, gồm nhiều loại đặt in để bán còn tồn kho; nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang đang trong quá trình gia công sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.

2. Công ty có quyền và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hóa tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.

3. Cuối kỳ kế toán, nếu giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

4. Tài sản lưu động là công cụ, dụng cụ lao động sau khi đã phân bổ hết giá trị vào chi phí sản xuất kinh doanh của công ty trong 1 hoặc 2 năm mà vẫn còn sử dụng được thì công ty phải tiếp tục mở sổ theo dõi chi tiết để quản lý.

Điều 16. Kiểm kê và xử lý kiểm kê

1. Công ty phải tổ chức kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất để xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn ...), đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả trong các trường hợp:

- Khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm;
- Khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu;
- Sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của công ty;
- Theo quy định của Nhà nước.

Kết quả kiểm kê để thống kê tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức và cá nhân có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

2. Xử lý kiểm kê

a) Xử lý tổn thất tài sản sau kiểm kê

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng được xác định trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Công ty phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

- Nếu do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường, xử lý theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Công ty quyết định mức bồi thường theo quy định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

- Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm;
- Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ;
- Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Công ty không thể tự khắc phục được thì Giám đốc lập phương án xử lý tổn thất báo cáo Chủ tịch Công ty trình Chủ sở hữu Công ty xem xét có ý kiến bằng văn bản trước khi Công ty quyết định xử lý tổn thất theo thẩm quyền;
- Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản; trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Giám đốc, Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính công ty.

b) Tài sản thừa sau kiểm kê

Tài sản thừa sau kiểm kê là chênh lệch giữa số tài sản thực tế kiểm kê với số tài sản ghi trên sổ sách kế toán, giá trị tài sản thừa do kiểm kê được hạch toán vào thu nhập của công ty.

Điều 17. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:
 - Theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - Thực hiện chuyển đổi sở hữu công ty;
 - Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài công ty.
2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

Chương III **QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ** **VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Điều 18. Doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép, doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác.

1. Doanh thu hoạt động kinh doanh xổ số: Là toàn bộ số tiền bán vé các loại hình xổ số đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

Doanh thu hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được thể hiện dưới 2 hình thức:

a) Doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt;

b) Doanh thu có thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt (gọi tắt là doanh thu có thuế) để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng, chi phòng chống số đề.

2. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số: Là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ của công ty.

3. Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: Các khoản thu phát sinh từ tiền bán quyền; cho thuê các tài sản; lãi tiền gửi; lãi chuyển nhượng vốn; cổ tức và lợi nhuận được chia từ việc đầu tư vốn ra ngoài công ty; thu nhập từ việc đầu tư công trái, trái phiếu, tín phiếu; chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

4. Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động không thường xuyên, gồm: Thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền bán vé số đã hủy; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa nợ tính vào chi phí kỳ trước; nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; khoản thu nhập của năm trước hạch toán thiếu; thu nhập từ việc cung cấp thông tin kết quả mở thưởng cho các Công ty dịch vụ; các khoản thu hợp lệ khác.

Điều 19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình vé số: Là toàn bộ số tiền bán vé thu được trong kỳ.

2. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình vé số: Là toàn bộ số tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

3. Doanh thu từ hoạt động tài chính: Hạch toán vào doanh thu khi hoạt động kinh tế phát sinh, không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

4. Thu nhập khác: Hạch toán vào doanh thu khi có bằng chứng khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Điều 20. Chi phí

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty: Là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính. Việc xác định chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành; bao gồm các khoản chi phí sau:

1. Chi phí sản xuất kinh doanh

a) Chi phí mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế); chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao

động; chi phí sửa chữa tài sản cố định; chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

b) Chi phí khấu hao tài sản cố định sử dụng cho hoạt động kinh doanh thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

c) Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản chi phí có tính chất lương (kể cả chi tiền làm thêm giờ, chi phụ cấp kiêm nhiệm các Phòng, Ban, Hội đồng do Công ty quyết định thành lập) phải trả cho người lao động theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và theo Quy chế quản lý lao động tiền lương và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

d) Chi phí về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế cho người lao động mà Công ty phải nộp theo quy định.

đ) Chi phí giao dịch, môi giới, khánh tiết, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo; tài trợ các cơ quan, tổ chức khác quảng cáo về hình ảnh của Công ty, khuyến mại được phép chi, hội họp và các khoản chi phí liên quan khác tính theo chi phí thực tế phát sinh trên nguyên tắc quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

e) Chi phí dịch vụ mua ngoài: Chi phí điện, nước, tiền cước điện thoại, phí bưu chính, Fax, Internet, thuê tên miền, thuê hosting, thuê địa chỉ DNS (hệ thống phân giải tên miền trên Internet), lắp đặt hệ thống camera quan sát từ xa, sách, tài liệu quản lý, văn phòng phẩm, phòng cháy chữa cháy, tiền mua bảo hiểm tài sản; tiền thuê vận chuyển, dịch vụ pháp lý, tư vấn, kiểm toán, thẩm định giá để xác định giá trị tài sản dùng để thế chấp, thiết kế. Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định, công cụ dụng cụ...

g) Chi phí bằng tiền khác gồm:

- Các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Tiền thuê đất;

- Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động theo chế độ quy định;

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người quản lý và người lao động theo quy chế đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ chuyên môn đối với người quản lý và lao động của Công ty;

- Chi cho công tác y tế, khám sức khỏe định kỳ

- Thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Chủ tịch Công ty quyết định theo đề nghị của Giám đốc và căn cứ vào hiệu quả mang lại, nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm;

- Chi trang phục cho người quản lý, lao động của Công ty và Hội đồng Giám sát xổ số theo chế độ quy định;

- Chi thanh hủy vé

- Chi phí ban biên tập

- Chi phí cho lao động nữ theo chế độ quy định;
- Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường;
- Chi phí ăn giữa ca theo chế độ quy định;
- Chi phí hỗ trợ cho công tác Đảng, Đoàn thể tại Công ty;
- Chi phí vận chuyển vé; chi đóng dấu vé; chi phí nhiên liệu cho đại lý xổ số tham dự Hội nghị tổng kết hàng năm (nếu có)
- Các khoản chi phí bằng tiền khác, gồm:

+ Chi tài trợ cho giáo dục; y tế; khắc phục hậu quả thiên tai; xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, nhà cho hộ nghèo, các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật; tài trợ cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật; các khoản tài trợ theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định.

+ Chi tài trợ cho Quỹ vì người nghèo, quỹ an sinh xã hội; các khoản tài trợ theo chương trình an sinh xã hội...

+ Nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy chế Quản lý nợ của Công ty;

+ Giá trị tài sản tổn thất thực tế sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ;

+ Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng trả thưởng, các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật;

+ Các khoản chi bằng tiền khác theo đúng quy định hiện hành.

- Chi phí có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động. Tổng số chi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế.

- Chi quà tặng cho tổ chức, cá nhân có đóng góp vào việc hoàn thành nhiệm vụ của Công ty; chi cho gia đình chính sách, cán bộ hưu trí nhân dịp lễ, tết.

- Các khoản chi khác được phép theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Chi phí khác, bao gồm:

a) Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán.

b) Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán;

c) Chi phí để thu tiền phạt;

d) Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng;

đ) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi phí trả thưởng:

Là số tiền thực tế trả cho người trúng thưởng đối với vé xổ số trúng thưởng theo quy định của pháp luật.

4. Chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số:

a) Hoa hồng đại lý là số tiền mà Công ty trả cho đại lý xổ số theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị vé số đã bán.

b) Mức chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số theo các quy định hiện hành và được ghi cụ thể trong hợp đồng giữa Công ty với đại lý xổ số;

c) Công ty chỉ thanh toán tiền hoa hồng đại lý cho đại lý xổ số sau khi đã hoàn tất việc xác nhận số lượng vé xổ số đại lý đó đã tiêu thụ được trong kỳ và đại lý xổ số đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã ghi trong hợp đồng đại lý đã ký với Công ty;

d) Công ty chịu trách nhiệm khấu trừ tiền thuế phải nộp của các đại lý xổ số theo quy định trước khi thanh toán tiền hoa hồng cho đại lý.

5. Chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số:

Mức chi ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số theo quy định hiện hành và được ghi trong hợp đồng giữa Công ty với đại lý xổ số;

Công ty chịu trách nhiệm khấu trừ tiền thuế phải nộp của các đại lý xổ số theo quy định trước khi thanh toán tiền chi ủy quyền trả thưởng cho đại lý. Đại lý được ủy quyền trả thưởng không được thu bất cứ khoản phí nào của khách hàng trúng thưởng.

6. Chi phí quay số mở thưởng

- Chi phí quay số mở thưởng vé xổ số truyền thống: do Hội đồng xổ số kiến thiết miền Bắc phân bổ.

- Chi phí quay số mở thưởng vé xổ số biết kết quả ngay của Công ty gồm chi cho người đọc kết quả xổ số, người quay số, người hướng quay số...

- Chi công tác bảo vệ buổi quay số mở thưởng (nếu có).

7. Chi cho công tác giám sát xổ số.

- Chi chế độ thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số: Chủ tịch, Phó chủ tịch, Thành viên Hội đồng giám sát xổ số được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo quy định của Nhà nước và Quy chế của Hội đồng giám sát giám sát xổ số.

- Chi phí các hoạt động giám sát khác: giám sát đảo vé xổ số biết kết quả ngay (xổ số cào, xổ số bóc), thanh huỷ vé xổ số hết hạn lưu trữ, rà soát lại doanh thu và trả thưởng hàng tuần đối với vé trúng thưởng xổ số lô tô.

- Chi trang bị hoặc chi tiền để các thành viên Hội đồng giám sát mua đồ dùng phục vụ cho công tác giám sát xổ số: Cặp sách, áo đi mưa, mũ bảo hiểm, bút viết, sổ tay và các vật dụng khác.

Căn cứ thanh toán được tính theo định mức thù lao đã được chủ sở hữu Công ty phê duyệt và số ngày công số buổi thực tế tham gia giám sát của các thành viên.

8. Chi phí hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm vé số giả:

- Căn cứ vào khả năng tài chính của Công ty và quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ phòng chống số đề, làm giả vé số.

- Hỗ trợ trực tiếp cho cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan tại địa phương hoặc trên địa bàn tổ chức hoạt động kinh doanh để thực hiện công tác điều tra, khám phá, thụ lý các vụ án số đề, làm vé số giả.

- Tổng mức chi tối đa trong năm tài chính không vượt quá 1% tổng doanh thu bán vé số có thuế của Công ty.

Hiện tại, thực hiện theo Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 22/5/2014 của UBND tỉnh về việc quy định nội dung và mức chi hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm vé số giả từ chi phí cho Công ty. Trong từng thời kỳ, khi chế độ chính sách thay đổi, Công ty sẽ tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 22/5/2014 đúng theo quy định hiện hành.

9. Chi phí trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng:

Công ty thực hiện trích lập Quỹ Dự phòng rủi ro trả thưởng theo đúng quy định hiện hành.

10. Chi phí về vé xổ số

a) Chi phí phát hành: Là các khoản chi bao gồm chi phí in vé xổ số theo giá thanh toán thực tế với cơ sở in, chi phí vận chuyển, xếp dỡ, bảo quản, phụ phí hợp lệ (nếu có) trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa Công ty và cơ sở in;

b) Chi phí vận chuyển phân phối vé xổ số, chi phí công tác thu hồi vé xổ số không tiêu thụ hết chi theo thực tế hoặc theo hợp đồng.

11. Chi phí thông tin vé xổ số và quay số mở thưởng, kết quả mở thưởng: là các khoản chi để đưa thông tin kết quả mở thưởng trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác; chi phí in tờ rơi về thể lệ trả thưởng, kết quả mở thưởng phục vụ khách hàng và đại lý. Căn cứ chi là hợp đồng kinh tế, hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo chế độ quy định.

12. Chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết Miền Bắc và các quỹ của Hiệp hội ngành nghề.

- Công ty đóng góp chi phí hoạt động chung của Hội đồng xổ số kiến thiết miền Bắc theo quy định hiện hành.

- Các chi phí khác như chi phí phát hành, chi phí quay số mở thưởng, ... phát hành vé xổ số truyền thống theo cơ chế liên kết phát hành do Hội đồng xổ số kiến thiết Miền Bắc phân bổ.

- Đóng phí Hiệp hội ngành nghề theo mức phí do Hiệp hội quy định.

13. Chi phí hoạt động tài chính:

Các khoản lãi phải trả do huy động vốn, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn theo quy định của nhà nước.

Các khoản chi phí để xác định thu nhập chịu thuế đều phải thực hiện theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành, đồng thời phải thực hiện theo các quy chế, quy định và định mức chi tiêu nội bộ của Công ty ban hành. Mức chi phí cụ thể được quy định tại Quy chế định mức chi tiêu nội bộ của Công ty. Các khoản chi phải có đầy đủ chứng từ hợp pháp.

Điều 21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí và quản lý chi phí

1. Nguyên tắc ghi nhận chi phí:

a) Công ty chỉ được hạch toán vào chi phí kinh doanh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

b) Việc xác định chi phí của Công ty được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

2. Nguyên tắc quản lý chi phí:

a) Công ty chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

b) Việc quản lý chi phí được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

3. Phân cấp trong quản lý, sử dụng chi phí của Công ty:

a) Chủ tịch công ty:

- Quyết định ban hành các quy chế, định mức có liên quan đến quản lý, sử dụng chi phí như: Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định liên quan khác... nhằm sử dụng chi phí đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện các quy chế, định mức có liên quan đến quản lý, sử dụng chi phí.

b) Giám đốc:

- Tổ chức triển khai, thực hiện các quy chế, định mức có liên quan đến quản lý, sử dụng chi phí do Chủ tịch công ty ban hành. Đồng thời triển khai, phổ biến, công khai cho người lao động trong Công ty biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát.

- Báo cáo Chủ tịch công ty các khoản chi phát sinh không có trong Quy chế mà thực hiện làm tăng chi phí và phải phân tích rõ nguyên nhân, đề xuất phương án xử lý trên cơ sở quy định của pháp luật.

c) Phòng Kế toán: Chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi và hạch toán chi phí kinh doanh đúng quy định pháp luật về thuế và chế độ kế toán hiện hành.

Điều 22. Không tính vào chi phí hợp lý các khoản sau

1. Tiền lương, tiền công do Công ty không thực hiện đúng chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động, trừ trường hợp thuê mướn lao động theo vụ việc.

2. Các khoản trích trước vào chi phí mà thực tế không chi.
3. Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hoặc hóa đơn, chứng từ không hợp pháp.
4. Các khoản tiền phạt về vi phạm hành chính.
5. Các khoản chi không liên quan đến doanh thu và thu nhập chịu thuế.
6. Các khoản chi do các nguồn kinh phí khác đài thọ.
7. Các khoản chi nghiệp vụ kinh doanh xỏ số vượt định mức quy định của Bộ Tài chính.
8. Các khoản chi khuyến mại cho hoạt động kinh doanh xỏ số dưới mọi hình thức.

Điều 23. Tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động

1. Nguyên tắc xác định tiền lương của người lao động:
 - a) Tuân thủ theo quy định của pháp luật về người lao động.
 - b) Căn cứ thỏa thuận trong hợp đồng lao động.
 - c) Căn cứ năng suất lao động, hiệu quả công việc của người lao động.
2. Tiền thưởng của người lao động: Được xác định căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, thành tích công tác của người lao động và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty. Chủ tịch Công ty ban hành Quy chế thưởng cho người lao động.

Điều 24. Tiền lương, tiền thưởng đối với người quản lý công ty

1. Nguyên tắc xác định tiền lương, thù lao của người quản lý công ty.
 - a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về cán bộ công chức, viên chức.
 - b) Căn cứ vào hiệu quả kinh doanh hàng năm của Công ty.
 - c) Căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý công ty; thù lao của người quản lý công ty không chuyên trách (nếu có).
2. Tiền thưởng của người quản lý công ty: Do UBND tỉnh phê duyệt căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả xếp loại doanh nghiệp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý công ty và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Chương IV PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 25. Phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ

1. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

2. Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi quy định tại Khoản 1 Điều này được phân phối theo qui định của pháp luật hiện hành.

Chủ tịch Công ty quyết định việc phân bổ Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi trên cơ sở đề xuất của Giám đốc.

3. Sau khi trích lập các quỹ theo quy định tại Khoản 2 Điều này, phần lợi nhuận còn lại nộp vào ngân sách tỉnh. Trường hợp Công ty chưa được bổ sung đủ vốn điều lệ theo phương án được phê duyệt, thì có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trích một phần lợi nhuận để bổ sung vốn điều lệ

Nghiêm cấm việc sử dụng lợi nhuận còn lại sau thuế để chi thưởng hoặc hoa hồng đại lý vượt quá mức tối đa theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 26. Mục đích sử dụng các Quỹ

1. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển và bổ sung vốn điều lệ của công ty.

2. Quỹ khen thưởng được sử dụng:

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của người quản lý và người lao động trong Công ty (*sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty*). Không được sử dụng để thưởng cho người quản lý Công ty, Kiểm soát viên do Nhà nước bổ nhiệm (*trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng*).

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty;

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, cho công tác quản lý của Công ty;

Mức thưởng do Giám đốc Công ty quyết định, được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của doanh nghiệp.

3. Quỹ phúc lợi được sử dụng:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của công ty.

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động trong công ty bao gồm cả người quản lý công ty, kiểm soát viên, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

d) Sử dụng một phần Quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, người có hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

đ) Mức chi do Giám đốc Công ty quyết định, được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của doanh nghiệp.

4. Quỹ thưởng người quản lý công ty, kiểm soát viên được sử dụng:

a) Thường hằng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty.

b) Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do UBND tỉnh quyết định gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý Công ty, Kiểm soát viên và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Công ty.

Hàng năm được trích 90% để thưởng cuối năm gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh và các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người quản lý công ty theo quy định của Chính phủ về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Quy chế thưởng đối với người quản lý Công ty.

Phần tiền thưởng còn lại (10% quỹ tiền thưởng hàng năm) được lập thành quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ, dùng để thưởng khi người quản lý công ty kết thúc nhiệm kỳ theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ cả nhiệm kỳ theo nguyên tắc: hoàn thành hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm trong nhiệm kỳ thì được hưởng toàn bộ phần tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ; nếu một năm trong nhiệm kỳ không hoàn thành nhiệm vụ thì chỉ được hưởng 50% phần tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ; nếu hai năm trở lên trong nhiệm kỳ không hoàn thành nhiệm vụ thì không được hưởng phần tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ. Phần quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ còn lại được hạch toán vào thu nhập khác của công ty.

Nhiệm kỳ để xác định quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ của người quản lý công ty được tính theo nhiệm kỳ của Chủ tịch công ty.

c) Trường hợp Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng thì Công ty sử dụng nguồn quỹ khen thưởng của Công ty để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua khen thưởng.

d) Việc trích lập và sử dụng quỹ nêu trên phải được sự chấp thuận của Chủ sở hữu và được thực hiện công khai theo quy định.

5. Công ty chỉ được chi các khoản khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý Công ty sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Chương V

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 27. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ định hướng chiến lược phát triển kinh doanh đã được UBND tỉnh phê duyệt, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với tình hình kinh doanh.

2. Hằng năm, căn cứ kế hoạch kinh doanh dài hạn, năng lực và thị trường, Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo trình Chủ tịch Công ty phê duyệt và báo cáo chủ sở hữu công ty.

3. Căn cứ kế hoạch kinh doanh đã được Chủ tịch Công ty quyết định, Giám đốc Công ty thực hiện việc đánh giá tình hình kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp gửi Chủ tịch công ty và Chủ sở hữu trước ngày 31/7 hàng năm.

4. Chủ sở hữu giao cơ quan chuyên môn thẩm định kế hoạch tài chính của Công ty, báo cáo UBND tỉnh có ý kiến bằng văn bản để Công ty triển khai thực hiện, làm căn cứ giám sát, đánh giá quản lý điều hành, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 28. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán, kiểm tra

Công ty phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Công ty chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền có liên quan theo quy định của pháp luật. Chậm nhất là mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế, kết luận thanh tra, Công ty phải gửi báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quyết toán thuế, kết luận thanh tra cho Sở Tài chính, chủ sở hữu và Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính).

Điều 29. Báo cáo tài chính, thống kê và các báo cáo khác

1. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Cuối kỳ kế toán (quý, năm), Công ty phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo các quy định hiện hành của nhà nước. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo.

3. Ngoài báo cáo tài chính được lập theo quy định của pháp luật nêu tại khoản 2 Điều này, định kỳ hằng quý, kết thúc năm, công ty phải lập và gửi các báo cáo khác theo đúng quy định hiện hành.

4. Thời hạn và nơi gửi báo cáo:

a) Các báo cáo hằng quý, năm phải gửi cho chủ sở hữu và các cơ quan khác theo đúng thời gian quy định, chậm nhất là hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc quý và chậm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;

b) Các báo cáo quy định tại khoản 3 Điều này gửi chủ sở hữu và Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính) cùng với thời điểm gửi các báo cáo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này.

5. Trường hợp Bộ Tài chính có yêu cầu thực hiện báo cáo đột xuất, công ty phải thực hiện việc lập và gửi báo cáo theo yêu cầu.

Ngoài các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê định kỳ lập và gửi theo quy định nêu trên, Công ty phải thực hiện lập, gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước.

Chương VI

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 30. Trách nhiệm của Công ty trong việc thực hiện giám sát tài chính

- Công ty chịu trách nhiệm thực hiện giám sát tài chính theo đúng quy định về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của chủ sở hữu, các cơ quan có thẩm quyền về kết quả hoạt động theo quy định.

Điều 31. Báo cáo đánh giá, xếp loại Công ty

Hàng năm, căn cứ các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp theo quy định hiện hành, Công ty tự đánh giá, xếp loại doanh nghiệp báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước liên quan theo đúng thời gian quy định để được xem xét, công bố xếp loại doanh nghiệp.

Điều 32. Trách nhiệm công bố thông tin của doanh nghiệp

Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ và pháp luật liên quan cũng như theo Quy chế công bố thông tin của công ty.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

Công ty TNHH một thành viên xỏ số kiến thiết Vĩnh Phúc phải xây dựng các quy chế, quy định cụ thể các khoản chi có liên quan đến quản lý tài chính để áp dụng thực hiện trên cơ sở tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

Trường hợp có các quy định của nhà nước liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới theo quy định hiện hành của nhà nước khác với những điều khoản trong Quy chế này thì phải được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước và tổng hợp, tham mưu trình điều chỉnh, bổ sung theo quy định.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc quy định của pháp luật liên quan có sự thay đổi thì Chủ tịch công ty kiến nghị Chủ sở hữu công ty xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trì